TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2019/DS-ST;
Ngày: 28/8/2019;
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Bé**;

2/ Ông **Nguyễn Trung Trực**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2019/QĐXX-ST ngày 26/7/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Dương Hoài E** – sinh năm: 1991;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang.

Bị đơn:* **Nguyễn Thị Mỹ F - sinh năm: 1983;

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện N, Tiền Giang.

(Anh E có mặt, chị F vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Dương Hoài E trình bày: Anh có cho chị F vay nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 25/7/2018, anh cho chị F vay 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, thời hạn vay 30 ngày. Sau khi vay tiền, chị F có đóng được cho anh 1.000.000 đồng tiền lãi. Trong biên nhận vay tiền có ghi chị F có thế chấp cho anh một chiếc xe máy hiệu Yamaha, biển số 63B4-441.29, tuy nhiên thực chất chị F không giao xe hoặc giấy tờ xe gì cho anh.

- Ngày 30/7/2018, anh cho chị F vay 6.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, thời hạn vay 45 ngày.

- Ngày 06/9/2018, anh cho chị F vay 6.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, thời hạn vay 30 ngày.

- Ngày 26/9/2018, anh cho chị F vay 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, thời hạn vay 60 ngày.

- Ngày 05/10/2018, anh cho chị F vay 4.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, thời hạn vay 60 ngày.

- Ngày 24/10/2018, anh cho chị F vay 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, thời hạn vay 45 ngày.

- Ngày 07/01/2019, anh cho chị F vay 3.750.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, thời hạn vay 60 ngày.

Tất cả các lần vay tiền, chị F đều viết biên nhận và ký tên vào biên nhận. Tổng cộng số tiền chị F vay của anh E là 40.250.000 đồng. Khi đến hạn trả tiền, chị F không trả, mặc dù anh E đã nhiều lần yêu cầu chị F trả tiền.

Nay anh E yêu cầu chị F trả cho anh E số tiền vốn là 40.250.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ F vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Dương Hoài E khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ F trả cho anh E số tiền vay là 40.250.000 đồng, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Chị F đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị F.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh E, Tòa xét thấy: Căn cứ vào các giấy mượn tiền đề ngày 25/7/2018, ngày 30/7/2018, ngày 06/9/2018, ngày 26/9/2018, ngày 05/10/2018, ngày 24/10/2018 và ngày 07/01/2019 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của chị Nguyễn Thị Mỹ F thể hiện chị F có vay của anh E tổng số tiền là 40.250.000 đồng. Căn cứ các giấy mượn tiền và theo anh E trình bày thì các lần vay tiền trong thời hạn từ 30 ngày đến 60 ngày, khi đến hạn trả nợ anh E đã nhiều lần yêu cầu chị F thanh toán nợ nhưng chị F không trả nợ. Do đó, việc chị F vay tiền của anh E nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của anh E là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[4] Chị F vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí do yêu cầu của anh E được chấp nhận toàn bộ nên chị F phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho anh E.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của anh Dương Hoài E đối với chị Nguyễn Thị Mỹ F.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ F có nghĩa vụ trả cho anh Dương Hoài E số tiền vốn là 40.250.000 đồng (Bốn chục triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mỹ F phải chịu 2.012.500 (Hai triệu không trăm mười hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Dương Hoài E được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.006.000 đồng (Một triệu không trăm lẻ sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002551 ngày 15/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với chị F thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.